

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 105/2018/DS-ST

Ngày: 29/6/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng góp hụi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bờ.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:156/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 176/4/8, đường Bùi Tư Toàn, phường A L, quận B T, TP. HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1979; nơi cư trú: 113/11B Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3, TP.HCM.

- Bị đơn:

1. Ông Mai Hòa A, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 02, ấp V Q, xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 02, ấp V Q, xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Vương Thiên N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 102/2 Thoại Ngọc Hầu, phường M L, TP. LX, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị P: Ông Phạm Hồng N; địa chỉ cư trú: Số 09 đường Lý Tự Trọng, phường M L, TP. LX, tỉnh An Giang (Luật sư của Văn phong luật sư YẾN Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Hòa V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 02, ấp V Q, xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.
(Bà T, ông N và ông N có mặt; ông L, ông A và ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Ngọc T trình bày: Vào ngày 19/11/2015 vợ chồng ông Mai Hòa A, bà Nguyễn Thị P có vay của bà Phạm Ngọc T 150.000.000đ để xây sửa nhà trọ và ngoài ra bà P còn đứng ra bảo lãnh bằng miệng để bảo lãnh số nợ của con trai bà P là Mai Hòa V 150.000.000đ và hứa sẽ thanh toán số tiền trên thay cho V, số nợ này là do V cầm xe Innova biển số cần thơ không có tiền trả nợ nên chị T cho V vay trả nợ (đối với số tiền vay ngày 19/11/2015 bà P có ký giấy biên nhận mượn tiền vay). Đến ngày 25/12/2015 ông Mai Hòa A là chồng bà P và bà P vay thêm 175.000.000đ (không có làm biên nhận nhưng có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất bản chính cho bà T giữ làm thế chấp, gồm thửa đất 268, tờ bản đồ số 33, diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m² do ông A, bà P đứng tên vào năm 2014. Thời hạn vay là 12 tháng. Từ khi vay đến nay bà P trả cho bà T được 56.000.000đ, còn nợ lại số tiền vay và bảo lãnh là 419.000.000đ.

Ngoài ra bà T có tham gia dây hụi do vợ chồng ông A, bà P làm chủ, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 người tham gia, bà T vô 04 phần hụi, đóng được 13.600.000đ.

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng ông A, bà P trả cho bà T số tiền nợ vay ngày 19/11/2015 là 150.000.000đ, số tiền nợ bảo lãnh là 150.000.000đ của Mai Hòa V, số tiền nợ vay ngày 25/12/2015 là 175.000.000đ và nợ hụi 13.600.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T chỉ yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền nợ vay ngày 19/11/2015 còn nợ lại 94.000.000đ (do bà P đã trả được vốn gốc 56.000.000đ), không yêu cầu ông A cùng trả với bà P và không yêu cầu tính lãi. Đối với số nợ bảo lãnh là 150.000.000đ của Mai Hòa V và số tiền nợ vay ngày 25/12/2015 là 175.000.000đ và nợ hụi 13.600.000đ thì bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Anh Vương Thiên N là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P trình bày: Qua ý kiến trình bày của nguyên đơn thì anh N cho rằng bà P chỉ thừa nhận là có vay của chị T số tiền 150.000.000đ vào ngày 19/11/2015, khi vay bà P có thế chấp cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 268, tờ bản đồ số 33 có diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m² do ông A, bà P đứng tên được UBND huyện Châu Phú cấp ngày 7/7/2014. Từ khi vay đến nay bà P trả cho bà T được 56.000.000đ, còn nợ lại 94.000.000đ. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà P có yêu cầu trả dần số nợ 94.000.000đ nói trên mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 268, tờ bản đồ số 33 có diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m² do ông A, bà P đứng tên được UBND huyện Châu Phú cấp ngày 7/7/2014 yêu cầu bà T trả lại.

Đối với số tiền nợ bảo lãnh 150.000.000đ, nợ vay ngày 25/12/2015 với số tiền 175.000.000đ và nợ hụi 13.600.000đ theo trình bày của bà T trình bày trong đơn khởi kiện thì bà P không biết và không thừa nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng góp hụi, cụ thể theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng ông A, bà P trả cho bà T số tiền nợ vay ngày 19/11/2015 là 150.000.000đ, số tiền nợ bảo lãnh là 150.000.000đ của Mai Hòa V, số tiền nợ vay ngày 25/12/2015 là 175.000.000đ và nợ hụi 13.600.000đ, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng góp hụi thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên bà Phạm Ngọc T làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng theo quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay ông A và anh V vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 19/11/2015 giữa bà Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Phương thực tế xảy ra, cụ thể bà P có vay của bà T số tiền 150.000.000đ và bà P đã trả được 56.000.000đ, còn nợ lại vốn gốc 94.000.000đ, cả bà T và bà P đều nhìn nhận số nợ trên. Bà T thì yêu cầu bà P trả cho bà T số tiền nợ gốc dứt điểm một lần, bà P xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, vì bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà T. Do vậy Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà T và buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 94.000.000đ. Về phần lãi suất bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với số nợ bảo lãnh 150.000.000đ của Mai Hòa V và số tiền nợ vay ngày 25/12/2015 là 175.000.000đ và nợ hui 13.600.000đ thì bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết.

[3] Về phần tài sản thế chấp: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 268, tờ bản đồ số 33 có diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m² do ông A, bà P đứng tên được UBND huyện Châu Phú cấp ngày 7/7/2014 bà P yêu cầu bà T trả lại cho bà P, Hội đồng xét xử xét thấy đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên bà T phải có trách nhiệm trả lại cho bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 268, tờ bản đồ số 33 có diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m² do ông A, bà P đứng tên được UBND huyện Châu Phú cấp ngày 7/7/2014 là hợp lý.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đ theo biên lai T số 0017148 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bà P phải chịu 4.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền nợ vay 94.000.000đ (chín mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà T đối với bà P, ông A đòi bà P, ông A trả số tiền nợ bảo lãnh là 150.000.000đ của Mai Hòa V, số tiền nợ vay 175.000.000đ ngày 25/12/2015 và nợ hui 13.600.000đ do bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Bà T có trách nhiệm trả cho bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 268, tờ bản đồ số 33 có diện tích 273,2m² và nhà ở diện tích xây dựng 71,2m², diện tích sàn 42,3m².

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đ (mười một triệu đồng) theo biên lai T số 0017148 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bà P phải chịu 4.700.000đ (bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dA sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu